ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI

**KHOA LUẬT**

**NGUYỄN CHÍ VIỆT**

**SO SÁNH CHẾ ĐỊNH BỒI THƯỜNG THIỆT HẠI NGOÀI HỢP ĐỒNG THEO PHÁP LUẬT VIỆT NAM VÀ PHÁP LUẬT TRUNG QUỐC**

***Chuyên ngành* : Luật Dân sự và Tố tụng dân sự**

***Mã số*  : 60 38 01 03**

**TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC**

**HÀ NỘI – 2016**

**Công trình được hoàn thành**

**tại Khoa Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội**

***Người hướng dẫn khoa học*: PGS. TS Trần Thị Huệ**

####

|  |
| --- |
| ***Phản biện 1:****............................................................................................**..........................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................* |

|  |
| --- |
| ***Phản biện 2:****............................................................................................**..........................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................* |

**Luận văn được bảo vệ tại Hội đồng chấm luận văn, họp tại Khoa Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội.**

Vào hồi ..... giờ ....., ngày ..... tháng ..... năm 2016.

**Có thể tìm hiểu luận văn tại:**

**Trung tâm thông tin - Khoa Luật Đại học Quốc gia Hà Nội**

**Trung tâm tư liệu - Thư viện Đại học Quốc gia Hà Nội**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | **MỤC LỤC** |  |
|  | *Trang phụ bìa* |  |
|  | *Lời cam đoan* |  |
|  | *Mục lục* |  |
|  | *Danh mục các chữ, các ký hiệu viết tắt* |  |
|  | **LỜI NÓI ĐẦU** | 1 |
|  | **Chương I: LÝ LUẬN CHUNG VỀ TRÁCH NHIỆM BTTHNHĐ THEO PHÁP LUẬT TRUNG QUỐC VÀ PHÁP LUẬT VIỆT NAM** | 4 |
| 1.1 | Khái niệm và đặc điểm của trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng | 4 |
| 1.2 | Khái lược quy định pháp luật về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng | 6 |
| 1.3 | Điểm khác nhau giữa trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng và trách nhiệm bồi thường thiệt hại do vi phạm nghĩa vụ trong hợp đồng | 12 |
|  | **Chương II: NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG VỀ BỒI THỜI THƯỜNG HẠI NGOÀI HỢP ĐỒNG THEO PHÁP LUẬT TRUNG QUỐC VÀ PHÁP LUẬT VIỆT NAM** | 14 |
| 2.1 | Về căn cứ phát sinh trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng | 14 |
| 2.1.1 | Có hành vi trái pháp luật | 15 |
| 2.1.2 | Có thiệt hại thực tế | 17 |
| 2.1.3 | Có mối quan hệ nhân quả giữa hành vi và thiệt hại | 24 |
| 2.1.4 | Có lỗi của người thực hiện hành vi | 26 |
| 2.2 | Nguyên tắc bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng | 29 |
| 2.2.1 | Nguyên tắc bồi thường thiệt hại theo pháp luật Trung Quốc | 29 |
| 2.2.2 | Nguyên tắc bồi thường thiệt hại theo pháp luật Việt Nam | 32 |
| 2.3 | Năng lực chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng | 35 |
| 2.3.1 | Năng lực chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại theo pháp luật Trung Quốc | 35 |
| 2.3.2 | Năng lực chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại theo pháp luật Việt Nam | 40 |
| 2. 4 | Thời hiệu khởi kiện yêu cầu bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng | 45 |
| 2.4.1 | Thời hiệu khởi kiện theo pháp luật Trung Quốc | 45 |
| 2.4.2 | Thời hiệu khởi kiện theo pháp luật Việt Nam | 47 |
| 2.5 | Cách xác định thiệt hại ngoài hợp đồng | 49 |
| 2.5.1 | Cách xác định thiệt hại theo pháp luật Trung Quốc | 49 |
| 2.5.2 | Cách xác định thiệt hại theo pháp luật Việt Nam | 59 |
| 2.6 | Thời hạn hưởng bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng | 67 |
| 2.6.1 | Thời hạn hưởng bồi thường thiệt hại do tính mạng, sức khoẻ bị xâm phạm theo pháp luật Trung Quốc | 67 |
| 2.6.2 | Thời hạn hưởng bồi thường thiệt hại do tính mạng, sức khoẻ bị xâm phạm theo pháp luật Việt Nam | 71 |
| 2.7 | Một số khía cạnh pháp lý về bồi thường thiệt hại trong trường hợp cụ thể | 73 |
| 2.7.1 | Trách nhiệm bồi thường thiệt hại do hành vi xâm phạm quyền lợi người tiêu dùng | 73 |
| 2.7.2 | Trách nhiệm bồi thường thiệt hại do hành vi làm ô nhiễm môi trường | 75 |
| 2.7.3 | Trách nhiệm bồi thường thiệt hại do xâm phạm mồ mả | 76 |
| 2.7.4 | Trách nhiệm bồi thường thiệt hại do tai nạn giao thông | 77 |
| 2.8 | Những điểm giống và khác nhau cơ bản quy định pháp luật Việt Nam và Trung Quốc về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng | 80 |
| 2.8.1 | Điểm giống nhau cơ bản | 80 |
| 2.8.2 | Điểm khác nhau cơ bản | 84 |
| 8 | **Chương III. ƯU ĐIỂM CỦA LUẬT VỀ BỒI THƯỜNG THIỆT HẠI NGOÀI HỢP ĐỒNG THEO PHÁP LUẬT TRUNG QUỐC. HẠN CHẾ VÀ PHƯƠNG HƯỚNG HOÀN THIỆN CHẾ ĐỊNH BTTHNHĐ THEO PHÁP LUẬT VIỆT NAM.** | 94 |
| 3.1 | Ưu điểm của Luật về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng theo pháp luật Trung Quốc | 94 |
| 3.2 | Hạn chế của chế định bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng theo pháp luật Việt Nam | 100 |
| 3.3 | Phương hướng hoàn thiện chế định bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng theo pháp luật Việt Nam | 109 |
| 3.3.1 | Định hướng chung hoàn thiện chế định bồi thường thiệt hại ngoài hộp đồng | 109 |
| 3.3.2 | Một số giải pháp hoàn thiện chế định bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng | 111 |
|  | **KẾT LUẬN**  | 122 |
|  | **TÀI LIỆU THAM KHẢO** | 124 |

**LỜI NÓI ĐẦU**

**1. Tính cấp thiết của đề tài**

Mỗi một lĩnh vực pháp luật đều có chức năng và phạm vi điều chỉnh riêng. Pháp luật dân sự có chức năng quan trọng là bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chủ thể dân sự. Các quyền và lợi ích hợp pháp được pháp luật dân sự thừa nhận và bảo vệ là nhân thân và tài sản như quyền về tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, uy tín, tài sản.v.v.. Đây là những quyền lợi cơ bản của các chủ thể dân sự. Mọi người đều phải tôn trọng và bất khả xâm phạm tới quyền và lợi ích của người khác. Trong xã hội ngày nay, các hành vi xâm phạm quyền, đối tượng bị xâm phạm, các dạng thiệt hại ngày càng đa dạng và phong phú. Hệ thống các quy định hiện hành về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng trong Bộ luật dân sự, các văn bản hướng dẫn thi hành chưa đáp ứng được nhu cầu giải quyết tranh chấp trong thực tế.

BLDS năm 2015 mới được Quốc hội ban hành và có hiệu lực từ ngày 01/7/2015. Chế định bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng trong BLDS 2015 có nhiều điểm mới tích cực. Tuy nhiên, chế định chỉ có thể nêu được những vấn đề khái quát về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng. Bên cạnh đó, cần phải có hệ thống các văn bản hướng dẫn thi hành kèm theo để giải quyết vấn đề bồi thường thiệt hại ở những lĩnh vực cụ thể. Về mặt tổng quan, các văn bản hướng dẫn về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng của chúng ta hiện nay còn thiếu nhiều. Vì vậy trong thời gian tới, chúng ta cần tiếp tục nghiên cứu xây dựng, bổ sung các quy định về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng. So sánh pháp luật là phương pháp hữu ích trong nghiên cứu pháp luật.

Trung Quốc và Việt Nam là hai quốc gia theo chế độ xã hội chủ nghĩa. Lịch sử, văn hóa, kinh tế, xã hội, cũng như pháp luật của hai quốc gia có nhiều điểm tương đồng. Hiện nay, Trung Quốc đã xây dựng luật riêng về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng, bên cạnh những quy định chung trong BLDS Trung quốc (hay còn gọi là Quy tắc chung Luật dân sự Trung Quốc). Hệ thống văn bản hướng dẫn về bồi thường thiệt ngoài hợp đồng của Trung Quốc khá đầy đủ và hoàn thiện. Thiết nghĩ, Việt Nam hoàn toàn có thể đi sâu nghiên cứu, so sánh, đánh giá các quy định về bồi thường thiệt hại theo pháp luật Trung Quốc để học hỏi, xây dựng chế định bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng của pháp luật Việt Nam trở lên hoàn thiện hơn.

Xuất phát từ những lý do trên, tôi chọn đề tài là *“So sánh chế định BTTHNHĐ theo pháp luật Việt Nam và pháp luật Trung Quốc” làm đề tài* luận văn Thạc sĩ, chuyên ngành Luật dân sự và tố tụng dân sự.

**2. Mục tiêu nghiên cứu.**

**2.1. Mục tiêu tổng quát:**

Nghiên cứu toàn diện, sâu sắc, có hệ thống một số vấn đề lý luận chung của chế định BTTHNHĐ của Pháp luật Trung Quốc và Việt Nam. So sánh những điểm giống và khác nhau căn bản giữa các quy định chung về BTTHNHĐ theo pháp luật Việt Nam và pháp luật Trung Quốc. Sau khi so sánh, luận văn sẽ chỉ ra những điểm hạn chế của các quy định của pháp luật Việt Nam về BTTHNHĐ. Từ đó, đưa ra kiến nghị nhằm hoàn thiện quy định của pháp luật hiện hành.

**2.2. Mục tiêu cụ thể:**

Để đạt được mục đích nghiên cứu trên, nhiệm vụ nghiên cứu đặt ra là:

- Làm rõ những vấn đề lý luận về trách nhiệm BTTHNHĐ theo pháp luật Việt Nam và Trung Quốc.

- Làm rõ căn cứ phát sinh trách nhiệm BTTHNHĐ theo pháp luật Việt Nam và Trung Quốc.

- Làm rõ yếu tố lỗi trong BTTHNHĐ theo pháp luật Việt Nam và Trung Quốc.

- Làm rõ nguyên tắc, phương thức BTTHNHĐ theo pháp luật Việt Nam và Trung Quốc.

- Làm rõ năng lực BTTHNHĐ theo pháp luật Việt Nam và Trung Quốc.

- So sánh chế định BTTHNHĐ theo pháp luật Việt Nam và pháp luật Trung Quốc.

- Chỉ ra một số hạn chế của chế định BTTHNHĐ theo pháp luật Việt Nam và đưa ra định hướng, giải pháp hoàn thiện chế định BTTHNHĐ theo pháp luật Việt Nam.

**3. Tính mới và đóng góp của đề tài.**

Là công trình khoa học nghiên cứu một cách hệ thống, toàn diện các quy định chung của pháp luật Việt Nam và Trung Quốc về chế định BTTHNHĐ, luận văn có một số tính mới và đóng góp sau đây:

- Luận văn đưa ra góc nhìn toàn cảnh các quy định chung của pháp luật Việt Nam và pháp luật Trung Quốc về chế định BTTHNHĐ.

- Luận văn phân tích tính hợp lý, nguồn gốc lý luận của một số quy định chung trong chế định BTTHNHĐ theo pháp luật Trung Quốc.

- Luận văn chỉ ra những điểm hạn chế mang tính khái quát và cụ thể của chế định BTTHNHĐ theo pháp luật Việt Nam. Đồng thời, đưa ra phương hướng và giải pháp hoàn thiện quy định pháp luật hiện hành.

**4. Ngoài lời nói đầu, kết luận, danh mục tài liệu tham khảo, nội dung nghiên cứu trong luận văn được kết cấu gồm 03 chương**:

- Chương 1: Lý luận chung về trách nhiệm BTTHNHĐ theo quy định của pháp luật Trung Quốc và pháp luật Việt Nam.

- Chương 2: Những quy định chung về BTTHNHĐ theo pháp luật Trung Quốc và pháp luật Việt Nam.

- Chương 3: Hạn chế của chế định BTTHNHĐ theo pháp luật Việt Nam và phương hướng hoàn thiện nhằm nâng cao hiệu quả điều chỉnh của pháp luật Việt Nam.

**Chương I: LÝ LUẬN CHUNG VỀ TRÁCH NHIỆM BTTHNHĐ THEO PHÁP LUẬT TRUNG QUỐC VÀ PHÁP LUẬT VIỆT NAM**

**1.1. Khái niệm và đặc điểm của trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng**

Luận văn dẫn quy định tại Điều 2 Luật trách nhiệm xâm phạm quyền Trung Quốc quy định về trách nhiệm BTTHNHĐ và khái niệm về trách nhiệm BTTHNHĐ theo Luật sư Bùi Văn Thấm.

Trách nhiệm BTTHNHĐ ngoài những đặc điểm chung của trách nhiệm dân sự, còn có một số đặc điểm riêng như sau:

- Về cơ sở phát sinh trách nhiệm: Trách nhiệm BTTHNHĐ là một loại trách nhiệm dân sự phát sinh nằm ngoài ý chí của bên gây thiệt hại và bên bị thiệt hại. Trách nhiệm BTTHNHD phát sinh trên cơ sở do pháp luật quy định.

- Về điều kiện phát sinh: Trách nhiệm BTTHNHĐ phát sinh khi có đủ các điều kiện do pháp luật quy định. Điều 584 BLDS 2015 không ghi nhận yếu tố lỗi là yếu tố bắt buộc cấu thành trách nhiệm. Hành vi trái luật gây thiệt hại thì người thực hiện hành vi phải bồi thường để bù đắp cho người bị thiệt hại bất kể có lỗi hay không. Lỗi chỉ được xem xét để xác định mức độ BTTH của người gây thiệt hại.

- Về chủ thể chịu trách nhiệm: Trách nhiệm BTTH theo hợp đồng do các bên tham gia hợp đồng gánh chịu. Trách nhiệm BTTHNHĐ ngoài việc áp dụng đối với chủ thể thực hiện hành vi gây thiệt hại, còn áp dụng đối với chủ thể khác.

- Về mức độ bồi thường: Mức độ BTTH theo hợp đồng được xác định theo thỏa thuận của các bên trong hợp đồng. Nếu các bên không thỏa thuận thì mức độ bồi thường được xác định căn cứ vào thiệt hại thực tế trên cơ sở quy định của pháp luật. Còn đối với BTTHNHĐ thì về nguyên tắc các bên có quyền thỏa thuận về mức độ bồi thường, nếu không thỏa thuận được thì người gây thiệt hại phải bồi thường toàn bộ thiệt hại.

**1.2. Khái lược quy định pháp luật về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng**

***1.2.1. Nguồn pháp luật điều chỉnh theo pháp luật Việt Nam***

Nguồn luật điều chỉnh trách nhiệm BTTHNHĐ theo pháp luật Việt Nam, gồm có: Bộ luật dân sự năm 2015; Luật trách nhiệm bồi thường của nhà nước năm 2009; Nghị Quyết của Tòa án nhân dân tối cao; Văn bản do các cơ quan nhà nước phối hợp, thống nhất ban hành trong đó có nội dung quy định về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng.

***1.2.2. Nguồn luật điều chỉnh theo pháp luật Trung Quốc***

Nguồn luật điều chỉnh trách nhiệm BTTHNHĐ theo pháp luật Trung Quốc gồm có: Quy tắc chung Luật dân sự Trung Quốc năm 1986; Luật trách nhiệm xâm phạm quyền Trung Quốc năm 201; Luật bồi thường nhà nước năm 2010; Các văn bản giải thích tư pháp của Tòa án nhân dân tối cao Trung Quốc...

***1.2.3. Khái lược quá trình hình thành và phát triển của quy định về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng ở Việt Nam***

*a. Chế định BTTHNHĐ dưới thời Lê, Nguyễn.*

Quy định về BTTHNHĐ của hai bộ luật có một số đặc điểm như sau:

*Thứ nhất*, ở các bộ luật cổ, các quy định này có liên quan đến những yếu tố của TNDS như hành vi vi phạm, lỗi nhưng lại không có sự tách biệt giữa trách nhiệm trong hay ngoài khế ước.

*Thứ hai,* tổn thất vật chất là sự xâm phạm đến tính mạng con người, tài sản và theo đó vừa phải chịu chế tài hình sự là hình phạt tương ứng đồng thời còn phải BTTH cho người bị xâm hại các giá trị nói trên về thể chất và quyền sở hữu. Mặc dù có các quy định về trách nhiệm bồi thường tổn thất tinh thần nhưng những quy định này lại rất hạn chế.

*Thứ ba,* về lỗi, bộ luật đã đưa yếu tố lỗi vào làm căn cứ phát sinh trách nhiệm bồi thường. Trong một số điều luật có sự phân biệt giữa lỗi cố ý và lỗi vô ý, tương ứng với mức độ trách nhiệm khác nhau.

*Thứ tư,* về mức độ bồi thường, do sự bất bình đẳng trong xã hội thời bấy giờ nên mức độ bồi thường còn được căn cứ dựa trên địa vị của chủ thể bị thiệt hại. Quy định về BTTH không mang tính chất tương đương, số tiền BTTH tùy từng trường hợp có thể cao gấp nhiều lần thiệt hại thực tế.

*Thứ năm,* về năng lực chủ thể. Về nguyên tắc chung, người nào gây thiệt hại thì phải chịu bồi thường. Tuy nhiên, các nhà làm luật thời bấy giờ cũng đã xem xét đến một số trường hợp người thứ ba phải chịu trách nhiệm thay thế.

*Thứ sáu,* các phương thức bồi thường chủ yếu gồm có: bồi thường bằng hiện vật, khôi phục hiện trạng ban đầu, bồi thường bằng tiền. Trong những điều luật, ngoài những khoản bồi thường mang tính chất dân sự còn kèm theo những hình phạt mang tính hình sự như xuy (đánh bằng roi), trượng (đánh bằng gậy), đồ (phục dịch, thực hiện một công việc), lưu (đi đày), tử (xử tử)...

*b. Chế định BTTHNHĐ trước năm 1995.*

BLDS Nam Kỳ giản yếu ra đời năm 1883, bộ dân luật Bắc Kỳ ra đời năm 1931 và tại Trung Kỳ là bộ dân luật Trung Kỳ (Hoàng Việt Trung Kỳ hộ luật) ra đời năm 1936. Trong các bộ luật này chế định bồi thường trách nhiệm BTTHNHĐ được định hình rõ nét và phát triển trong thời gian dài cho đến khi BLDS năm 1995 ra đời. Đặc biệt, trong bộ luật Trung Kỳ, Pháp đã đưa vào đó nhiều kỹ thuật lập pháp khá tiến bộ. Còn trong Bộ dân luật Bắc Kỳ và Dân dân luật Trung Kỳ đã có các quy định cụ thể về yếu tố làm phát sinh trách nhiệm BTTH đó là: có thiệt hại xảy ra, có hành vi vi phạm, có lỗi, có mối quan hệ nhân quả giữa hành vi gây thiệt hại và hậu quả xảy ra.

Thông tư 173/1972/TANDTC ngày 23/03/1972 đã ra đời để hướng dẫn xét xử về BTTHNHĐ. Thông tư đã chỉ ra đường lối, quan điểm, lý luận của các nhà làm luật đương thời về BTTHNHĐ. Phân biệt trách nhiệm BTTHNHĐ với trách nhiệm hình sự. Thông tư 73 đã xây dựng bộ khung các quy định về BTTHNHĐ và là tiền đề phát triển cho các quy định trong BLDS 2005, 2015.

*c. Chế định BTTHNHĐ từ năm 1995 đến nay.*

Ở giai đoạn này, các văn bản pháp luật về BTTHNHĐ lần lượt ra đời. Trong đó phải nói đến một số văn bản quan trọng sau: BLDS 1995 và nghị quyết số: 01/2004/NQ-HĐTP. Tiếp đó là BLDS 2005 và Nghị quyết: 03/2006/NQ-HĐTP, Luật BTTH nhà nước năm 2009. Gần đây nhất là BLDS 2015 mới được ban hành và có hiệu lực từ ngày 01/07/2016.

**1.3. Điểm khác nhau giữa trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng và trách nhiệm bồi thường thiệt hại do vi phạm nghĩa vụ trong hợp đồng**

Trách nhiệm BTTHNHĐ và BTTH theo hợp đồng có những điểm khác biệt quan trọng như sau:

*Thứ nhất,* trách nhiệm BTTH theo hợp đồng phát sinh trên cơ sở quan hệ hợp đồng và chịu sự điều chỉnh của pháp luật về hợp đồng. Trách nhiệm BTTHNHĐ phát sinh không dựa trên bất kỳ hợp đồng nào và chịu sự điều chỉnh của pháp luật về BTTHNHĐ.

*Thứ hai,* Trách nhiệm BTTH theo đồng phát sinh khi có sự vi phạm nghĩa vụ theo hợp đồng hoặc luật định, còn trách nhiệm BTTHNHĐ phát sinh khi có sự vi phạm nghĩa vụ luật định.

*Thứ ba,* đối với BTTH theo hợp đồng, mức bồi thường, phương thức bồi thường và các biện pháp bảo đảm thực hiện nghĩa vụ bồi thường do các bên dự liệu và ghi nhận trong hợp đồng. Nếu không có thỏa thuận thì việc xác định trách nhiệm bồi thường sẽ được áp dụng theo quy định của pháp luật. Đối với trách nhiệm BTTHNHĐ, trước tiên các bên có quyền thỏa thuận về mức bồi thường. Nếu các bên không thỏa thuận được thì mức bồi thường được xác định dựa vào quy định của pháp luật về BTTHNHĐ.

*Thứ tư,* trong trách nhiệm hợp đồng lý do miễn trách nhiệm dân sự rất hạn chế, thông thường chỉ giới hạn ở sự kiện bất khả kháng. Tuy vậy, đương sự có thể dự liệu những trường hợp miễn trách nhiệm để đưa vào hợp đồng. Đối với trách nhiệm BTTHNHĐ, pháp luật thường quy định tương đối nhiều trường hợp miễn trách nhiệm, bao gồm các trường hợp miễn trách nhiệm thông thường và các trường hợp miễn trách nhiệm đặc biệt.

*Thứ năm,* về chủ thể bồi thường. Chủ thể bồi thường thiệt hại theo hợp đồng là các bên tham gia vào quan hệ hợp đồng. Chủ thể bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng có thể là người thực hiện hành vi xâm phạm quyền hoặc người khác.

*Thứ sáu,*về thẩm quyền tố tụng và thời hiệu. Đối với trách nhiệm BTTHNHĐ, Tòa án có thẩm quyền giải quyết tranh chấp là Tòa án nơi nguyên đơn cư trú, làm việc, có trụ sở hoặc nơi xảy ra việc gây thiệt hại. Tòa án có thẩm quyền giải quyết tranh chấp BTTH theo hợp đồng là Tòa án do các bên thỏa thuận. Nếu các bên không thỏa thuận thì Tòa án nơi thực hiện hợp đồng là Tòa án có thẩm quyền giải quyết.

**Chương II: NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG VỀ BỒI THỜI THƯỜNG HẠI NGOÀI HỢP ĐỒNG THEO PHÁP LUẬT TRUNG QUỐC VÀ PHÁP LUẬT VIỆT NAM**

**2.1. Về căn cứ phát sinh trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng**

Các quy định căn cứ phát sinh trách nhiệm BTTHNHĐ của Việt Nam và Trung Quốc cho thấy trách nhiệm BTTHNHĐ được phát sinh trên cơ sở các yếu tố sau:

- Có hành vi trái pháp luật;

- Có thiệt hại thực tế;

- Có mối quan hệ nhân quả giữa hành vi và thiệt hại;

- Về vấn đề có lỗi của chủ thể thực hiện hành vi, BLDS năm 2015 quy định khác so với BLDS năm 2005 ở chỗ: BLDS năm 2015 không quy định lỗi là yếu tố cấu thành trách nhiệm BTTHNĐ. Luật trách nhiệm xâm phạm quyền Trung Quốc cũng coi lỗi là yếu tố cấu thành trách nhiệm BTHHNHĐ.

Những vấn đề lý luận và quy định của pháp luật về các yếu tố cấu thành trách nhiệm BTTHNHĐ theo pháp luật Việt Nam và pháp luật Trung Quốc được người viết tập trung phân tích tại các mục sau:

*2.1.1. Có hành vi trái pháp luật*

*2.1.2. Có thiệt hại thực tế*

*2.1.3. Có mối quan hệ nhân quả giữa hành vi và thiệt hại*

*2.1.4. Có lỗi của người thực hiện hành vi*

**2.2. Nguyên tắc bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng**

***2.2.1. Nguyên tắc bồi thường thiệt hại theo pháp luật Trung Quốc***

Luật trách nhiệm xâm phạm quyền Trung Quốc không có quy định riêng về nguyên tắc xác định mức độ BTTHNHĐ, nhưng giới lý luận Trung Quốc đều thừa nhận nguyên tắc bồi thường toàn bộ. Nguyên tắc BTTH toàn bộ được hiểu là chỉ cần trách nhiệm bồi thường thành lập thì người có nghĩa vụ bồi thường sẽ phải bồi thường toàn bộ thiệt hại, mà không cần xem xét đến mức độ lỗi, tình hình kinh tế của các bên đương sự và các hoàn cảnh cụ thể khác. Theo quy định của pháp luật Trung Quốc, người gây thiệt hại dù có lỗi vô ý nhẹ hay lỗi cố ý nghiêm trọng mà gây ra thiệt hại như nhau thì đều phải bồi thường như nhau. Điểm mấu chốt nằm ở chỗ chỉ cần xác định người gây thiệt hại có lỗi và hội tụ đầy đủ các yếu tố cấu thành trách nhiệm BTTHNHĐ khác thì người gây thiệt hại phải bồi thường toàn bộ thiệt hại. Khi giải quyết, Tòa án không cần xem xét mức độ lỗi của người gây thiệt hại. Ngược lại, nếu lỗi đến từ người bị thiệt hại sẽ ảnh hưởng rất lớn đến việc xác định phạm vi bồi thường.

BLDS Trung Quốc có nhiều quy định ngoại lệ của nguyên tắc bồi thường toàn bộ. (1) Trường hợp người bị thiệt hại có lỗi (2) Trong trường hợp pháp luật có quy định giới hạn mức bồi thường. (3) Trong trường hợp liên đới chịu trách nhiệm bồi thường. (4) Những trường hợp trách nhiệm bồi thường còn mang tính trừng phạt.

***2.2.2. Nguyên tắc bồi thường thiệt hại theo pháp luật Việt Nam***

BLDS 2015 đưa ra năm nguyên tắc BTTHNHĐ như sau:

*Thứ nhất,* thiệt hại thực tế phải được bồi thường toàn bộ và kịp thời.

*Thứ hai,* người chịu trách nhiệm BTTH có thể được giảm mức bồi thường nếu không có lỗi hoặc có lỗi vô ý và thiệt hại quá lớn so với khả năng kinh tế của mình.

*Thứ ba,* khi mức bồi thường không còn phù hợp với thực tế thì bên bị thiệt hại hoặc bên gây thiệt hại có quyền yêu cầu Tòa án hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền khác thay đổi mức bồi thường.

*Thứ tư,* khi bên bị thiệt hại có lỗi trong việc gây thiệt hại thì không được bồi thường phần thiệt hại do lỗi của mình gây ra.

*Thứ năm,* bên có quyền, lợi ích bị xâm phạm không được bồi thường nếu thiệt hại xảy ra do không áp dụng các biện pháp cần thiết, hợp lý để ngăn chặn, hạn chế thiệt hại cho chính mình.

**2.3. Năng lực chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng**

***2.3.1. Năng lực chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại theo pháp luật Trung Quốc***

*Năng lực chịu trách nhiệm bồi thường của cá nhân:*

Các quy định về năng lực chịu trách nhiệm bồi thường trong Luật Trung Quốc khá giống với Việt Nam. Chỉ có điều quy định về năng lực chịu trách nhiệm bồi thường của Trung Quốc đa dạng, đầy đủ, rõ ràng hơn. Để dẫn chứng cho khẳng định trên, Luận văn đã đưa ra một số quy định của pháp luật Trung Quốc về năng lực chịu trách nhiệm bồi thường của cá nhân như: Điều 133, Khoản 2 Điều 133 Quy tắc chung Luật dân sự Trung Quốc, Điều 33 Luật trách nhiệm xâm phạm quyền Trung Quốc.

*Năng lực chịu trách nhiệm bồi thường của pháp nhân*

Người của pháp nhân thực hiện công việc của pháp nhân gây thiệt hại thì pháp nhân phải chịu trách nhiệm bồi thường. Vấn đề là làm thế nào để xác định người của pháp nhân đang thực hiện công việc của pháp nhân?! Theo lý luận hiện nay có ba tiêu chí cơ bản được đưa ra để xác định hành vi thực hiện công việc của pháp nhân:

*Thứ nhất*, dựa vào thời gian làm việc theo chỉ thị, yêu cầu của pháp nhân.

*Thứ hai,* dựa vào mong muốn chủ quan của nhân viên pháp nhân.

*Thứ ba,* dựa vào biểu hiện khách quan của nhân viên pháp nhân.

Để xác định chính xác nhân viên của pháp nhân có hay không thực hiện công việc của pháp nhân cần đánh giá cả ba tiêu chí trên. Trong đó, cần đặc biệt quan tâm đến biểu hiện khách quan ra bên ngoài của hành vi.

*Năng lực chịu trách nhiệm bồi thường của chủ thể không phải là cá nhân và không phải là pháp nhân*

Trong Quy tắc chung Luật dân sự Trung Quốc xuất hiện ba chủ thể không có tư cách pháp nhân được quy định là hộ kinh doanh cá thể, hộ kinh doanh nhận khoán nông thôn, tổ hợp tác. Quy tắc chung Luật dân sự Trung Quốc có quy định khác nhau năng lực chịu trách nhiệm của các loại chủ thể không phải là cá nhân và không có tư cách pháp nhân.

***2.3.2. Năng lực chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại theo pháp luật Việt Nam***

*- Năng lực chịu trách nhiệm BTTHNHĐ của cá nhân:*

Năng lực chịu trách nhiệm bồi thường được xác định căn cứ vào năng lực hành vi và khả năng kinh tế. Năng lực hành vi dân sự của cá nhân là khả năng của cá nhân bằng hành vi của mình xác lập, thực hiện quyền, nghĩa vụ dân sự. Năng lực hành vi dân sự của cá nhân được xác định dựa trên độ tuổi, khả năng kinh tế, khả năng nhận thức và làm chủ hành vi của người gây thiệt hại.

Ở phần này, người viết đã phân tích năng lực chịu trách nhiệm BTTH của các nhóm đối tượng sau: Người đã đủ 18 tuổi trở lên; người từ đủ 15 tuổi đến chưa đủ 18 tuổi; người chưa đủ 15 tuổi; người chưa thành niên, người mất năng lực hành vi dân sự, người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi.

*- Năng lực BTTH của pháp nhân:*

Pháp nhân có năng lực pháp luật và năng lực hành vi đầy đủ. Năng lực chủ thể dân sự của pháp nhân phát sinh và tồn tại kể từ thời điểm pháp nhân được thành lập đến khi pháp nhân chấm dứt hoạt động theo quy định của pháp luật. Trách nhiệm BTTH của pháp nhân phát sinh thông qua các thành viên của pháp nhân trong quá trình thực hiện công việc của pháp nhân. Điểm mấu chốt để xác định trách nhiệm BTTH thuộc về pháp nhân hay cá nhân thành viên của pháp nhân là pháp nhân đang thực hiện công của pháp nhân hay của bản thân thành viên, vì lợi ích của ai pháp nhân hay của bản thân thành viên. Khi thành viên của pháp nhân thực hiện công việc của pháp nhân gây thiệt thì pháp nhân là người chịu trách nhiệm BTTH. Lỗi của người gây thiệt hại là lỗi của pháp nhân. Đây là điểm quan trọng biểu hiện sự liên kết chặt chẽ của pháp nhân về mặt tổ chức và hoạt động.

Ngoài ra, ở phần này người viết còn đề cập đến năng lực bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng của nhà nước Công hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

*- Năng lực BTTH của hộ gia đình, tổ hợp tác và tổ chức khác không phải là pháp nhân.*

Tổ chức không có tư cách pháp nhân chịu trách nhiệm BTTH bằng tài sản chung của các thành viên, nếu tài sản chung của các thành viên không đủ để thực hiện nghĩa vụ thì phần còn thiếu do các thành viên chịu trách nhiệm. Trong trường hợp các bên không có thỏa thuận hoặc pháp luật không có quy định khác thì thành viên chịu trách nhiệm theo phần tương ứng với phần đóng góp tài sản của mình, nếu không xác định được theo phần tương ứng thì xác định theo phần bằng nhau. Nếu có thỏa thuận thì trách nhiệm BTTH được thực hiện theo thỏa thuận.

**2.4. Thời hiệu khởi kiện yêu cầu bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng**

***2.4.1. Thời hiệu khởi kiện theo pháp luật Trung Quốc***

 Quy tắc chung Luật dân sự Trung Quốc không có quy định riêng về thời hiệu khởi kiện yêu cầu BTTHNHĐ. Thời hiệu khởi kiện yêu cầu BTTHNHĐ được áp dụng theo quy định chung tại Điều 135 của Luật này và Luật chuyên ngành. Theo đó, thời hiệu khởi kiện để yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền lợi dân sự là hai năm, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác. Theo hướng dẫn của TAND tối cao Trung Quốc, nếu hành vi xâm phạm quyền diễn ra liên tục thì căn cứ vào ngày hành vi xâm phạm quyền kết thúc để tính thời hiệu khởi kiện.

Quy tắc chung Luật dân sự Trung Quốc cũng có quy định về phục hồi thời hiệu khởi kiện. Đó là khi vượt quá thời hiệu khởi kiện nhưng đương sự tự nguyện thực hiện nghĩa vụ thì sẽ không bị chịu sự giới hạn của thời hiệu khởi kiện (Điều 138). Biểu hiện của việc bị đơn đồng ý thực hiện nghĩa vụ là khi bị đơn thừa nhận có hành vi thực hiện nghĩa vụ theo giai đoạn, thực hiện toàn bộ nghĩa vụ, đưa ra biện pháp bảo đảm, đề nghị kéo dài thời gian thực hiện nghĩa vụ, đưa ra kế hoạch, phương án bồi thường.v.v...

***2.4.2. Thời hiệu khởi kiện theo pháp luật Việt Nam***

Theo Điều 588 BLDS 2015: “Thời hiệu khởi kiện yêu cầu bồi thường thiệt hại là 03 năm, kể từ ngày người có quyền yêu cầu biết hoặc phải biết quyền, lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm”. Thời hiệu khởi kiện yêu cầu BTTH được nâng lên là ba năm. Ở Việt Nam hiện nay, chưa có quy định liên quan đến thời hiệu khởi kiện tối đa, chưa có quy định liên quan đến thời hiệu khởi kiện đối với hành vi xâm phạm quyền diễn ra liên tục. Nếu có hành vi xâm phạm quyền diễn ra liên tục thì vẫn phải áp dụng theo quy định chung để giải quyết.

**2.5. Cách xác định thiệt hại ngoài hợp đồng**

***2.5.1. Cách xác định thiệt hại theo pháp luật Trung Quốc***

*- Xác định thiệt hại do tài sản bị xâm phạm.*

Theo Điều 19 Luật trách nhiệm xâm phạm quyền Trung Quốc có quy định chung về xác định thiệt hại do tài sản bị xâm phạm như sau: “Xâm hại tài sản của người khác, thì giá trị tài sản tổn thất căn cứ vào giá cả thị trường tại thời điểm phát sinh tổn thất hoặc phương pháp khác để tính toán”. Phương thức tính toán khác được hiểu là phương thức đánh giá giá trị thông qua thẩm định, đánh giá của cơ quan chuyên môn.

Hành vi xâm phạm tài sản ngoài thiệt hại đối với bản thân tài sản, còn có thể làm phát sinh thiệt hại gián tiếp, thiệt hại thuần kinh tế. Điều 177 Quy tắc chung Luật dân sự Trung Quốc quy định như sau: “Nếu người bị thiệt hại còn chịu những thiệt hại lớn khác, thì người gây ra thiệt hại phải bồi thường những thiệt hại đó”. Nhưng thiệt hại lớn khác ở đây được hiểu là thiệt hại gián tiếp và thiệt hại thuần kinh tế.

Có học giả cho rằng thiệt hại tài sản có thể phân loại thành thiệt hại đáng được hưởng (hay còn gọi là thiệt hại tích cực, tức thiệt hại trực tiếp) và lợi ích mất đi (hay còn gọi là thiệt hại gián tiếp, tức những lợi ích đáng được hưởng nhưng không được hưởng). Thiệt hại gián tiếp là những lợi ích đáng được hưởng bị giảm sút. Thiệt hại gián tiếp không phải là sự giảm sút tài sản hiện có của người bị thiệt hại, mà là sự giảm sút những lợi ích hoàn toàn có thể phát sinh từ tài sản bị bị xâm phạm.

*- Xác định thiệt hại do nhân thân bị xâm phạm*

Điều 17 Giải thích tư pháp số 20 năm 2003 của TAND tối cao Trung Quốc quy định về các khoản tiền bồi thương thiệt hại do nhân thân bị xâm phạm. Qua quy định trên cho thấy, Luật về trách nhiệm BTTHNHĐ Trung Quốc quy định 12 loại chi phí BTTH về nhân thân gồm có: Chi phí khám chữa bệnh, thu nhập giảm sút do nghỉ làm, chi phí cho người chăm sóc, chi phí đi lại, chi phí trợ cấp ăn uống khi nằm viện, chi phí dinh dưỡng, tiền bồi thường tàn tật, chi phí dụng cụ hỗ trợ người tàn tật, chi phí mai táng, chi phí sinh hoạt cho người được người bị thiệt hại nuôi dưỡng, tiền bồi thường do chết người, tiền an ủi do thiệt hại về tinh thần. Ở phần này, luận văn đã đi tìm hiểu các quy định của pháp luật về 12 loại chi phí BTTH về nhân thân nêu trên. Đặc biệt, đối với BTTH về tinh thần, TAND tối cao Trung Quốc ban hành một giải thích tư pháp riêng về những vấn đề liên quan đến xác định trách nhiệm BTTH về tinh thần do xâm phạm quyền dân sự. Thiệt hại về tinh thần được mở rộng phạm với nhiều hình thức khác nhau.

**2.5.2. Cách xác định thiệt hại theo pháp luật Việt Nam**

*- Xác định thiệt hại do tài sản bị xâm phạm.*

Điều 589 BLDS 2015 quy định về xác định thiệt hại do tài sản bị xâm phạm. Sau khi phân tích quy định này người viết cho rằng nó còn khá giản đơn. Pháp luật hiện hành chưa có quy định hướng dẫn về mốc thời gian áp dụng để tính toán giá trị thiệt hại về tài sản trong vụ án BTTHNHĐ.

Trước khi kết thúc danh sách những thiệt hại được bồi thường khi tài sản bị xâm phạm, Điều 589, BLDS 2015 còn quy định thêm nữa là “thiệt hại khác do luật định”. Đây được xem là một quy định mang tính dự phòng và mang tính hướng dẫn tới văn bản pháp luật khác như Luật sở hữu trí tuệ vì luật này hiện nay cũng có các quy định về thiệt hại được bồi thường khi quyền sở hữu trí tuệ bị xâm phạm.

*- Xác định thiệt hại do quyền nhân thân bị xâm phạm.*

Qua quy định của BLDS Việt Nam và hướng dẫn của TAND tối cao thì thiệt hại do quyền nhân thân bị xâm phạm có ba dạng chính là thiệt hại do sức khỏe bị xâm phạm, thiệt hại do tính mạng bị xâm phạm và thiệt hại do danh dự, nhân phẩm, uy tín bị xâm phạm. Ở phần này, người viết đã dẫn các quy định của Nghị quyết 03/2006/NQ-HĐTP về xác định thiệt hại do quyền nhân thân bị xâm phạm. Bóc tách các loại chi phí BTTH khi sức khỏe, tính mạng, danh dự, nhân phẩm, uy tín bị xâm phạm. Đồng thời, phân tích về các khoản chi phí bồi thường.

**2.6. Thời hạn hưởng bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng**

***2.6.1. Thời hạn hưởng bồi thường thiệt hại do tính mạng, sức khoẻ bị xâm phạm theo pháp luật Trung Quốc***

Ở phần này, người viết đã dẫn và phân tích các quy định của pháp luật Trung Quốc về thời hạn hưởng khoản tiền bồi thường thiệt hại do tàn tật, khoản tiền bồi thường thiệt hại do chết người, khoản tiền bồi thường chi phí sinh hoạt cho người được người bị thiệt có nghĩa vụ hại nuôi dưỡng. Nhìn chung, đối với các khoản chi phí BTTH trên, pháp luật Trung Quốc đều đưa ra công thức tính toán để xác định được ngay giá trị bồi thường. Trong đó, thời hạn bồi thường là tiêu chí quan trọng của công thức tính toán.

***2.6.2. Thời hạn hưởng bồi thường thiệt hại do tính mạng, sức khoẻ bị xâm phạm theo pháp luật Việt Nam***

Ở phần này, người viết đã dẫn và phân tích Điều 593, BLDS 2015 quy định về Thời hạn hưởng bồi thường thiệt hại do tính mạng, sức khỏe bị xâm phạm. Đồng thời, chỉ ra những hạn chế của quy định này.

**2.7. Một số khía cạnh pháp lý về bồi thường thiệt hại trong trường hợp cụ thể**

Trong khuôn khổ của luận văn, ở phần này người viết chỉ đề cập đến trách nhiệm BTTH trong một số trường hợp sau:

*2.7.1. Trách nhiệm bồi thường thiệt hại do hành vi xâm phạm quyền lợi người tiêu dùng*

*2.7.2. Trách nhiệm bồi thường thiệt hại do hành vi làm ô nhiễm môi trường*

*2.7.3. Trách nhiệm bồi thường thiệt hại do xâm phạm mồ mả*

*2.7.4. Trách nhiệm bồi thường thiệt hại do tai nạn giao thông*

Qua các quy định của pháp luật Trung Quốc về trách nhiệm BTTH trong những trường hợp cụ thể trên, có thể thấy pháp luật Trung Quốc quy định khá đa dạng, chi tiết về các đối tượng đặc thù là khác thể của hành vi xâm phạm quyền.

**2.8. Những điểm giống và khác nhau cơ bản quy định pháp luật Việt Nam và Trung Quốc về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng**

***2.8.1. Điểm giống nhau cơ bản***

Ở phần nội dung này, người viết đã chỉ ra năm điểm giống nhau cơ bản của pháp luật Trung Quốc và pháp luật Việt Nam về trách nhiệm BTTHNHĐ. Cụ thể, người viết xem xét sự giống nhau ở các nội dung về: (1) căn cứ phát sinh trách nhiệm BTTHNHĐ, (2) nguyên tắc BTTH, (3 ) năng lực chịu trách nhiệm BTTH, (4) về thời hiệu khởi kiện, (5) về xác định thiệt hại.

**2.8.2. Điểm khác nhau cơ bản**

Ở phần nội dung này, người viết đã chỉ ra sáu điểm giống nhau cơ bản của pháp luật Trung Quốc và pháp luật Việt Nam về trách nhiệm BTTHNHĐ. Cụ thể, người viết xem xét sự giống nhau ở các nội dung về: (1) Căn cứ phát sinh trách nhiệm BTTHNHĐ, (2) nguyên tắc BTTH, (3) năng lực chịu trách nhiệm BTTH, (4) xác định thiệt hại, (5) thời hạn hưởng bồi thường, (6) miễn, giảm trách nhiệm BTTNHĐ.

**Chương III. ƯU ĐIỂM CỦA LUẬT VỀ BỒI THƯỜNG THIỆT HẠI NGOÀI HỢP ĐỒNG THEO PHÁP LUẬT TRUNG QUỐC. HẠN CHẾ VÀ PHƯƠNG HƯỚNG HOÀN THIỆN CHẾ ĐỊNH BTTHNHĐ THEO PHÁP LUẬT VIỆT NAM.**

**3.1. Ưu điểm của Luật về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng theo pháp luật Trung Quốc**

Luật Trách nhiệm xâm phạm quyền Trung Quốc năm 2010 ra đời thể hiện sự phát triển vượt bậc của chế định BTTHNHĐ. Đến nay, hệ thống văn bản quy định về BTTHNHĐ khá đồ sộ, ở nhiều lĩnh vực khác nhau. Các quy định về BTTHNHĐ theo pháp luật Trung Quốc hiện nay có một số nét tiến bộ, đặc sắc mà Việt Nam có thể nghiên cứu, cân nhắc vận dụng như sau:

(1) Tăng cường chức năng của Luật về trách nhiệm xâm phạm quyền.

(2) Mở rộng phạm vi đối tượng quyền và lợi ích hợp pháp được pháp luật bảo vệ.

 (3) Cụ thể hóa công thức xác định mức BTTHNHĐ.

(4) Cải tiến và hệ thống hóa các quy định về BTTH do nhiều người gây ra.

(5) Xâm phạm quyền lợi nhân thân có thể căn cứ vào lợi ích mà người xâm phạm quyền đạt được để xác định mức bồi thường.

 (6) Quy định về chế độ BTTH về tinh thần có nhiều nét đặc sắc.

 (7) Pháp luật cho phép người bị thiệt hại nhiều sự lựa chọn để bảo vệ quyền lợi của mình.

(8) Mở rộng phạm vi chi trả của quỹ cứu trợ xã hội đối với tai nạn giao thông.

**3.2. Hạn chế của chế định bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng theo pháp luật Việt Nam**

Qua nghiên cứu pháp luật về BTTHNHĐ theo pháp luật Việt Nam người viết thấy rằng tồn tại và hạn chế lớn nhất của chế định BTTHNHĐ là sự thiếu hụt nhiều quy định. Các quy định hiện nay còn chung chung dẫn đến khó khăn trong áp dụng pháp luật của cơ quan có thẩm quyền. Mục 3 chương II BLDS 2015 quy định về BTTH trong một số trường hợp cụ thể cũng chỉ dừng lại ở những quy định chung nhất. Do đó, cần phải có những văn bản quy định chi tiết, cụ thể hơn. Ví dụ: Quy định về BTTH do nguồn nguy hiểm cao độ gây ra, BLDS 2015 mới chỉ giải quyết được một số vấn đề sau: Định nghĩa nguồn nguy hiểm cao độ, trách nhiệm của chủ sở hữu khi sử dụng, vận hành nguồn nguy hiểm cao độ, trách nhiệm của chủ sở hữu nguồn nguy hiểm cao độ, miễn trách nhiệm BTTH cho chủ sở hữu nguồn nguy hiểm cao độ...

Các quyền nhân thân rất đa dạng. Bất kỳ quyền nhân thân nào bị xâm hại đều có thể gây thiệt hại về vật chất hoặc tinh thần cho người bị xâm phạm. Tại mục 2 quy định về xác định thiệt hại, BLDS mới chỉ quy định thiệt hại do sức khỏe bị xâm phạm, thiệt hại do tính mạng bị xâm phạm và thiệt hại do danh dự, nhân phẩm, uy tín bị xâm phạm là chưa đầy đủ.

Đi vào chi tiết hơn, chế định này còn tồn tại một số hạn chế cụ thể khác. Ở phần này, người viết đã phân tích những hạn chế theo quy định của pháp luật Việt Nam ở các nội dung về: (1) Trách nhiệm BTTH do hành vi của con người gây ra và trách nhiệm BTTH do tài sản gây ra, (2) thời hiệu khởi kiện, (2) bồi thường thiệt hại do nhiều người gây ra, (3) năng lực chịu trách nhiệm bồi thường, (4) xác định thiệt hại.

**3.3. Phương hướng hoàn thiện chế định bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng theo pháp luật Việt Nam**

***3.3.1. Định hướng chung hoàn thiện chế định bồi thường thiệt hại ngoài hộp đồng***

Chế định BTTHNHĐ có nội dung rất lớn. BLDS không thể quy định sâu rộng được tất cả các nội dung. Vì vậy, theo người viết, ở Việt Nam cần ban hành Luật trách nhiệm BTTHNHĐ. Trong bộ Luật sẽ quy định tổng thể, rộng hơn cả các vấn đề BTTH. Sau khi có Luật trách nhiệm BTTHNHĐ, chúng ta có thể xây dựng hàng loạt văn bản hưởng dẫn lấy BLDS và Luật trách nhiệm bồi thường làm vệ tinh. Mỗi một lĩnh vực, chủ thể gây thiệt hại vấn đề trách nhiệm BTTH có đặc trưng riêng. Vì vậy, cần xây dựng những văn bản có tính đặc thù điều chỉnh những đối tượng, lĩnh vực đặc thù như BTTH có yếu tố nước ngoài, BTTH do tai nạn giao thông, BTTH về tinh thần, BTTH do nhân thân bị xâm phạm, BTTH thiệt hại trong xây dựng công trình, BTTH trong lĩnh vực hạt nhân, nguyên tử.v.v..

Ngoài ra, để đảm bảo nhóm các quy định trong chế định BTTHNHĐ có cấu trúc hợp lý cần phải thay đổi các chế định liên quan cho phù hợp hơn như chế định về tài sản, nghĩa vụ, quyền nhân thân.

***3.3.2. Một số giải pháp hoàn thiện chế định bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng***

Ở phần nội dung này, người viết đã dưa ra một số giải pháp hoàn thiện chế định BTHHNHĐ ở các nội dung: (1) Căn cứ phát sinh trách nhiệm BTTHNHĐ, (2) Yếu tố cấu thành trách nhiệm BTTHNH, (3) nguyên tắc BTTHNHĐ, (4) năng lực chịu trách nhiệm bồi thường, (5) về BTTH do nhiều người gây ra, (6) về phương thức chịu trách nhiệm dân sự, (7) về thời hiệu khởi kiện, (7) về xác định thiệt hại.

**KẾT LUẬN**

Chế định BTTHNHĐ là chế định vô cùng quan trọng trong hệ thống pháp luật dân sự. Nội dung và phạm vi ứng dụng của chế định sâu rộng trong tất cả các lĩnh vực của đời sống, xã hội. Chế định có vai trò quan trọng trong việc bảo vệ quyền lợi hợp pháp của mọi cá nhân, tổ chức trước những hành vi xâm phạm xâm phạm quyền lợi trái luật có thể xảy ra bất cứ lúc nào. Mức độ thiệt hại có thể là rất lớn và ảnh hưởng đến nhiều người. Đặc biệt là BTTH do xâm phạm quyền lợi người tiêu dùng, do làm ô nhiễm môi trường.v.v.. Qua nghiên cứu và so sánh chế định theo pháp luật Việt Nam và Trung Quốc, người viết rút ra một số kết luận sau:

Một là: BLDS 2015 ra đời đã có nhiều thay đổi tích cực so với BLDS 2005, nhưng vẫn tồn tại khá nhiều điểm bất cập. Xét tổng thể các quy định của pháp luật hiện hành về BTTHNHĐ vẫn rất chung chung. Các văn bản hướng dẫn thi hành còn thiếu và yếu. Nhiều đối tượng chủ thể, lĩnh vực đặc thù vẫn chưa có văn bản hướng dẫn thi hành. Trong nhiều trường hợp đặc biệt, do pháp luật chưa có quy định cụ thể nên Tòa án và cơ quan có thẩm quyền chỉ căn cứ vào những hướng dẫn chung để giải quyết. Từ đó dẫn đến việc giải quyết không thống nhất, cho ra nhiều kết quả khác nhau.

Hai là: Bản thân chế định BTTHNHĐ có nội dung và phạm vi rất rộng. BLDS Việt Nam hiện nay mới chỉ nêu ra vấn đề nhưng chưa giải quyết vấn đề. Điều đó cũng dễ hiểu bởi BLDS chỉ có thể quy định chung mang tính nguyên tắc, chứ không thể quy định chi tiết mọi vấn đề. Ở Trung Quốc, Chế định BTTHNHĐ đã được xây dựng thành một đạo luật riêng, đó là Luật trách nhiệm xâm phạm quyền. Luật trách nhiệm xâm phạm quyền Trung Quốc gồm 12 Chương đã quy định tương đối toàn diện về BTTHNHĐ. Theo người viết, Việt Nam cũng nên xây dựng Luật BTTHNHĐ.

Ba là: Nhóm các quy định về xác định thiệt hại có ý nghĩa vô cùng quan trọng trong chế định BTTHNHĐ. Các quy định về xác định thiệt hại của Việt Nam hiện nay không bóc tách được từng loại chi phí bồi thường, cũng như chưa đưa ra được công thức tính mức bồi thường hợp lý. Chi phí BTTH chưa đảm bảo nguyên tắc bồi thường toàn bộ, do đó chưa đảm bảo cân bằng quyền lợi giữa các đương sự. Ngoài ra, nó còn gây trở ngại cho hoạt động giải quyết tranh chấp BTTHNHĐ của tòa án và cơ quan có thẩm quyền khác.

Việc tái cấu trúc và xây dựng chế định BTTHNHĐ là công việc không hề đơn giản. Đây được xem như là một công trình lớn cần xây dựng trong thời gian dài và bền vững từ nền móng, mà trước tiên là ở BLDS. Thông qua luận văn này, người viết đã tập trung trình bày, so sánh những quy định chung của chế định BTTHNHĐ theo pháp luật Việt Nam và pháp luật Trung Quốc. BLDS của Việt Nam và Quy tắc chung Luật dân sự Trung Quốc có nhiều quy định khá giống nhau. Điểm khác biệt lớn nhất ở đây là pháp luật Trung Quốc đã xây dựng được hệ thống các văn bản luật, văn bản hướng dẫn thi hành về BTTHNHĐ đồ sộ, hoàn thiện hơn pháp luật Việt Nam. BLDS 2015 mới được ban hành, vì vậy các văn bản hướng dẫn vẫn đang trong quá trình xây dựng. Người viết hi vọng luận văn này sẽ là tài liệu tham khảo để mọi người hiểu rõ hơn về chế định BTTHNHĐ theo pháp luật Trung Quốc, nhìn thấy những điểm tích cực, hạn chế của chế định theo pháp luật Việt Nam và đưa ra được kiến giải hữu ích cho việc xây dựng pháp luật nước nhà.